

Bản án số: 341/2023/HS-PT
Ngày: 25/9/2023.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Viết Hùng.

2. Ông Phan Thanh Nguyễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 320/2023/TLPT-HS ngày 07/9/2023 đối với các bị cáo Hồ Văn B, Phan Thị N, Lê Hoàng Thiên V, Ngô Thị Tuyết T và Đặng Thị M do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 152/2023/HSST ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Hồ Văn B; giới tính: Nam; sinh năm 1989; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: D18/14 ấp D, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Hồ Văn L và bà Lại Thị Kim M1; vợ: Võ Thị H; con: có 01 người con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/01/2023 đến ngày 08/02/2023 thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Phan Thị N; giới tính: Nữ; sinh năm 1984; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: F4/4 tổ A, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Mua bán phế liệu; con ông Phan Văn C và bà Nguyễn Thị N1; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/01/2023 đến ngày 08/02/2023 thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Lê Hoàng Thiên V; giới tính: Nam; sinh năm 1992; tại tỉnh Quảng Trị; nơi ĐKHKTT: Tổ B, Khu phố G, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: Số I, ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Chạy xe công nghệ; con ông Lê Quang T1 (chết) và bà Võ Thị T2; vợ: Dương Thị Mỹ L1; con: có 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/01/2023 đến ngày 08/02/2023 thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Ngô Thị Tuyết T; giới tính: Nữ; sinh năm 1974; tại: tỉnh Quảng Ngãi; nơi ĐKHKTT: Thôn M, xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: 25/146 tổ D, Khu phố C, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Ngô Văn B1 và bà Trương Thị Lệ V1; chồng: Trương Thanh T3; con: có 01 người con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/01/2023 đến ngày 08/02/2023 thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo tại ngoại – Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Đặng Thị M; giới tính: Nữ; sinh năm 1973; tại tỉnh Quảng Nam; nơi ĐKHKTT: 3 Đ, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: F tổ A, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Nội trợ; con ông Đặng T4 (chết) và bà Phạm Thị T5; chồng: Trương Vĩnh T6; con: Có 03 người con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/01/2023 đến ngày 08/02/2023 thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị:

Ngoài ra, trong vụ án còn có 06 (sáu) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

- Người bào chữa:

Bà Nguyễn Tường V2, Luật sư thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H bào chữa chỉ định cho bị cáo Ngô Thị Tuyết T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21h00' ngày 30/01/2023, Công an xã V phối hợp với Đ Công an huyện B tuần tra, khi đến hẻm trước nhà không số, tổ A, ấp F, xã V, huyện B thì phát hiện bắt quả tang 11 đối tượng, bao gồm: Hồ Văn B, Dương Văn T7, Nguyễn Như T8, Nguyễn Trung C1, Ngô Thị Tuyết T, Đặng Thị M, Trần Thị T9, Phan Thị N, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Đình Nhật V3 và Lê Hoàng Thiên V

đang tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì zách ăn tiền theo cách thức thắng thua như sau: Mỗi người trong sòng bài được làm cái 3 ván xoay vòng, các con bạc còn lại đặt tụ với số tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, nhà cái thắng thua trực tiếp với con bạc. Nên Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với các bị cáo, thu giữ vật chứng, lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định hành vi phạm tội, cụ thể như sau:

- Hồ Văn B khai nhận: Khoảng 19h00' ngày 30/01/2023, B đến trước nhà không số tổ 15, Ấp F, xã V, huyện B chơi đánh bài xì zách ăn tiền. B mang theo số tiền 2.960.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền này dùng để đánh bạc. B tham gia chơi nhiều ván, mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng, bị thua số tiền 1.360.000 đồng. Đến lượt B làm cái, Nguyễn Trung C1 hùn 100.000 đồng với B, khi đang chia bài chưa phân định thắng thua thì bị Công an bắt quả tang, B để lại số tiền 1.600.000 đồng trên chiếu bạc (tính đến khi bắt quả tang B đánh thua 1.360.000 đồng).

- Nguyễn Trung C1 khai: Khoảng 20h30' ngày 30/01/2023, Chánh chạy xe công nghệ G chở khách đến khu vực hẻm Á, xã V thì thấy có tụ điểm đánh bài nên vào tham gia chơi. Khi đến, C1 mang theo số tiền 3.630.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền trên dùng để đánh bạc, Chánh tham gia kè vào tụ cái của Dương Văn T7 được 3 ván, mỗi ván số tiền 100.000 đồng, thắng được 200.000 đồng. Sau đó đến lượt B làm cái, Chánh hùn 100.000 đồng với B làm cái ván đầu tiên thắng được 100.000 đồng, ván thứ hai hùn 100.000 đồng, khi đang chia bài chưa phân định thắng thua thì bị Công an bắt quả tang (tính đến khi bắt quả tang, C1 đánh thắng 300.000 đồng). Số tiền thu giữ của C1 là 3.930.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc.

- Dương Văn T7 khai: Khoảng 20h15' phút ngày 30/01/2023, T7 đến sòng bài để chơi, mang theo số tiền 1.100.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. T7 chơi nhiều ván, đặt mỗi ván từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng và thắng được 300.000 đồng. Khi đến ván tiếp theo, B làm cái thì T7 đặt 100.000 đồng, khi đang chia bài chưa phân định thắng thua thì bị Công an bắt quả tang (tính đến khi bắt quả tang T7 đánh thắng 300.000 đồng). Số tiền thu giữ của T7 là 1.400.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc.

- Nguyễn Như T8 khai: Khoảng 20h30' ngày 30/01/2023, T8 cùng Trần Thị T9 đi chúc Tết nhà bạn, trên đường đi thấy có tụ điểm đánh bài ăn tiền nên ghé vào tham gia chơi đánh bạc. Khi đến T8 mang theo số tiền 300.000 đồng sử dụng toàn bộ số tiền trên dùng để đánh bạc. T8 chơi nhiều ván, mỗi ván đặt số tiền 100.000 đồng thì hòa vốn. Khi đến ván tiếp theo, B làm cái T8 đặt 100.000 đồng. Khi đang chia bài chưa phân định thắng thua thì bị Công an bắt quả tang. T8 để lại 300.000 đồng trên chiếu bạc (tính đến khi bắt quả tang T8 không thắng không thua).

- Đặng Thị M: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30/01/2023, M mang 01 gói thuốc lá và 02 cái ghế nhựa đi vào trong sông bài bán cho 01 người thanh niên không rõ lai lịch. Khi đến sông bài, M thấy có nhiều người chơi đánh bài xì zách ăn tiền nên vào tham gia. M mang theo số tiền 200.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền trên dùng để đánh bạc. M chơi ván thứ 1, thua 100.000 đồng. Ván kế tiếp B làm cái, M đặt 100.000 đồng. Khi đang chia bài chưa phân định thắng thua thì bị Công an bắt quả tang (tính đến khi bắt quả tang M đánh thua 100.000 đồng).

- Ngô Thị Tuyết T khai nhận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30/01/2023, T đến nhà Đặng Thị M chúc Tết, M thấy trong hẻm có nhiều người tụ tập chơi đánh bài ăn tiền nên vào tham gia đánh bài. Khi đến, T mang theo số tiền 800.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền trên dùng đánh bạc. Trình chơi được 3 ván, mỗi ván đặt số tiền 25.000 đồng đến 50.000 đồng, thắng được 125.000 đồng. Ván kế tiếp B làm cái, T đặt 50.000 đồng, khi đang chia bài chưa phân định thắng thua thì bị Công an bắt quả tang (tính đến khi bắt quả tang T đánh thắng 125.000 đồng). Số tiền thu giữ của T là 925.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc.

- Phan Thị N khai nhận: Khoảng 20h50' ngày 30/01/2023, N đến địa điểm đánh bạc tham gia chơi, mang theo số tiền 100.000 đồng sử dụng toàn bộ số tiền trên dùng để đánh bạc. Lúc này, B làm cái, N đặt ké tụ của Nguyễn Đình Nhật V3 50.000 đồng, khi đang chia bài chưa phân định thắng thua thì bị Công an bắt quả tang. Nhớ để lại 50.000 đồng trên chiếu bạc (tính đến khi bắt quả tang Nhớ không thắng thua). Số tiền thu giữ của N là 50.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc.

- Trần Thị T9 khai nhận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30/01/2023, T9 cùng bạn là Nguyễn Như T8 đi chúc Tết nhà bạn, trên đường đi thấy có tụ điểm đánh bài ăn tiền nên ghé vào tham gia chơi đánh bạc. Thật mang theo số tiền 1.100.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Thật chơi nhiều ván, mỗi ván đặt số tiền 70.000 đồng đến 100.000 đồng, thắng được 970.000 đồng. Khi đến ván tiếp theo, B làm cái thì Thật đặt 100.000 đồng, khi đang chia bài chưa phân định thắng thua thì bị Công an bắt quả tang (tính đến khi bắt quả tang T9 đánh thắng 970.000 đồng). Số tiền thu giữ của T9 là 2.070.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc.

- Nguyễn Thị L2 khai nhận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30/01/2023, L2 đi bán vé số nhìn thấy trong hẻm tổ A, ấp F, xã V có nhiều người tụ tập đánh bài ăn tiền nên vào tham gia đánh bài. Khi đến L2 mang theo số tiền 50.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. L2 đánh ván thứ nhất đặt 30.000 đồng bị thua; ván kế tiếp B làm cái thì L2 đặt 20.000 đồng, Lê Hoàng Thiên V ké tụ Lộc 100.000 đồng, 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) ké tụ L2 30.000 đồng, khi đang chia bài chưa phân định thắng thua thì bị Công an bắt quả tang, L2, 01 người phụ nữ (không rõ lai lịch) để lại số tiền 50.000 đồng trên chiếu bạc (tính đến khi bắt quả tang L2 đánh thua 30.000 đồng).

- Lê Hoàng Thiên V khai nhận: Khoảng 20h30' ngày 30/01/2023, V chạy xe công nghệ mô tô G chở khách đến khu vực hẻm Á, xã V thì thấy có tụ điểm đánh bài ăn tiền nên vào tham gia đánh bài. Khi đến, V mang theo số tiền 800.000 đồng và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Vang hùn 800.000 đồng với Dương Văn T7 khi T7 làm cái, thắng được 100.000 đồng; sau đó V đặt tụ 01 ván với số tiền 100.000 đồng thì bị thua 100.000 đồng; khi đến ván tiếp theo, B làm cái thì V đặt kè tụ Lộc 100.000 đồng, khi đang chia bài chưa phân định thắng thua thì bị Công an bắt quả tang (tính đến khi bắt quả tang V không thắng, không thua). Số tiền thu giữ của Vang là 800.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc.

- Nguyễn Đình Nhật V3 khai nhận: Khoảng 20h50' ngày 30/01/2023, V3 mang theo số tiền 50.000 đồng đến địa điểm đánh bạc và sử dụng toàn bộ để đánh bạc. Lúc này, B làm cái thì V3 đặt 50.000 đồng, khi đang chia bài chưa phân định thắng thua thì bị Công an bắt quả tang. V3 để lại 50.000 đồng trên chiếu bạc.

Kết quả điều tra xác định số tiền dùng để đánh bạc của Lê Hoàng Thiên V, Phan Thị N, Đặng Thị M, Nguyễn Trung C1, Hồ Văn B, Trần Thị T9, Dương Văn T7, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Đình Nhật V3, Ngô Thị Tuyết T và Nguyễn Như T8 được xác định như sau : 5.368.000 đồng (tạm giữ trên chiếu bạc) + 3.930.000 đồng (tạm giữ của Chánh) + 925.000 đồng (tạm giữ của T) + 50.000 đồng (tạm giữ của N) + 2.070.000 đồng (tạm giữ của T9) + 1.400.000 đồng (tạm giữ của T7) + 800.000 đồng (tạm giữ của V) là: 14.543.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, các bị cáo Lê Hoàng Thiên V, Phan Thị N, Đặng Thị M, Nguyễn Trung C1, Hồ Văn B, Trần Thị T9, Dương Văn T7, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Đình Nhật V3, Ngô Thị Tuyết T và Nguyễn Như T8 khai nhận toàn bộ hành vi như nêu trên, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

+Vật chứng thu giữ của các bị cáo trong vụ án, gồm: Nguyễn Trung C1 số tiền 3.930.000 đồng; Ngô Thị Tuyết T số tiền 925.000 đồng; Phan Thị N số tiền 50.000 đồng; Trần Thị T9 số tiền 2.070.000 đồng; Dương Văn T7 số tiền 1.400.000 đồng; Lê Hoàng Thiên V số tiền 800.000 đồng; số tiền thu giữ trên chiếu bạc là: 5.368.000 đồng; 01 bộ bài Tây 52 lá (đã qua sử dụng); 07 ghế nhựa; 01 tấm catton, 01 tấm bạc; 01 cái đĩa.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 152/2023/HSST ngày 07/7/2023 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 43/2023/TB-TA ngày 07/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

+Xử phạt bị cáo Hồ Văn B 01 (một) năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023; Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

+Xử phạt bị cáo Ngô Thị Tuyết T 08 (tám) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023; Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

+Xử phạt bị cáo Đặng Thị M 08 (tám) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt vào chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023; Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

+Xử phạt bị cáo Phan Thị N 07 (bảy) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023; Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

+Xử phạt bị cáo Lê Hoàng Thiên V 07 (bảy) tháng tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023; Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử: xử phạt tù và phạt tiền bổ sung đối với 06 bị cáo khác trong vụ án, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 11/7/2023, các bị cáo Đặng Thị M và Ngô Thị Tuyết T kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 13/7/2023, các bị cáo Hồ Văn B và Phan Thị N kháng cáo xin hưởng án treo; và ngày 19/7/2023, bị cáo Lê Hoàng Thiên V kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Văn B, Đặng Thị M, Ngô Thị Tuyết T, Phan Thị N và Lê Hoàng Thiên V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm như nội dung bản án hình sự sơ thẩm và bản Cáo trạng truy tố; các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo vì hiện nay bản thân là lao động chính, có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, các tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án hình sự sơ thẩm xét xử các bị cáo Hồ Văn B, Đặng Thị M, Ngô Thị Tuyết T, Phan Thị N và Lê Hoàng Thiên V, cùng 06 bị cáo không có kháng cáo, phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017) là có cơ sở pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đều kháng cáo trong thời gian luật định và hợp lệ nên cần được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo: Xét, các bị cáo Hồ Văn B, Đặng Thị M, Ngô Thị Tuyết T, Phan Thị N và Lê Hoàng Thiên V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với từng bị cáo là phù hợp quy định pháp luật và đều bị xử phạt dưới 03 năm tù, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng nên đủ điều kiện để xem xét hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 15/4/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo. Tuy nhiên, đối với bị cáo Hồ Văn B phạm tội với vai trò chính, số tiền dùng đánh bạc lớn hơn gấp nhiều lần so với các bị cáo khác trong vụ án chỉ sử dụng số tiền dùng đánh bạc là 50.000 đồng, hay 100.000 đồng; nên về hình phạt phải nghiêm khắc nhất, cần có thời gian cách ly xã hội mới có tác dụng của hình phạt đối với bị cáo. Đối với các bị cáo Đặng Thị M, Phan Thị N và Lê Hoàng Thiên V tại cấp phúc thẩm trình bày là lao động chính, có hoàn cảnh khó khăn; riêng bị cáo T có xác nhận hộ cận nghèo và hiện đang điều trị bệnh hiểm nghèo; nên có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Văn B, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đặng Thị M, Ngô Thị Tuyết T, Phan Thị N và Lê Hoàng Thiên V; sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo.

- Ngoài ra, còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về mức phạt tiền bổ sung cho bị cáo vì các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Tuyết T thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát trong việc giải quyết kháng cáo của bị cáo T nên không tranh luận, và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo T hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận, chỉ nói lời sau cùng mong muốn nhận được mức án khoan hồng xin hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa làm lại cuộc đời và lao động để chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, các bị cáo Hồ Văn B, Đặng Thị M, Ngô Thị Tuyết T, Phan Thị N và Lê Hoàng Thiên V đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc trái phép của mình và đồng phạm như nội dung bản án sơ thẩm và bản Cáo trạng truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: biên bản bắt người phạm tội quả tang, các biên bản (tạm giữ đồ vật – tài liệu, niêm phong vật chứng) lời khai của (06 bị cáo không có kháng cáo, người chứng kiến); cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 21h00' ngày 30/01/2023, tại hẻm trước nhà không số thuộc tổ A, ấp F, xã V, huyện B, trong lúc các bị cáo Hồ Văn B, Phan Thị N, Lê Hoàng Thiên V, Ngô Thị Tuyết T10 và Đặng Thị M, cùng 06 bị cáo khác (không có kháng cáo) đang thực hiện hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài xì zách xoay vòng làm cái thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ cùng toàn bộ vật chứng.

Số tiền các bị cáo dùng đánh bạc trái phép (bao gồm: số tiền thu giữ tại chiếu bạc và thu của các bị cáo dùng mục đích để đánh bạc) tổng là 14.543.000 đồng - thuộc trường hợp có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng.

Như vậy, với số tiền dùng đánh bạc và hành vi nêu trên của bị cáo, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử đối với các bị cáo Hồ Văn B, Phan Thị N, Lê Hoàng Thiên V, Ngô Thị Tuyết T10 và Đặng Thị M, cùng 06 bị cáo khác không có kháng cáo, phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên về hình thức được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Xét khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về nhân thân và số tiền bị cáo dùng đánh bạc; về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, số tiền thực tế dùng để đánh bạc không lớn; thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh gia đình khó khăn, phạm tội do bộc phát, ham vui tức thời; theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Theo đó, xử phạt các bị cáo mức án: Hồ Văn B 01 (một) năm tù, Lê Hoàng Thiên V 08 tháng tù, Ngô Thị Tuyết T 08 tháng tù, Đặng Thị M 08 tháng tù và Phan Thị N 07 (bảy) tháng tù – trong khung hình phạt bị áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm tù, là thỏa đáng, không nặng.

Trong vụ án, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức; mặc dù mức hình phạt đã phân hóa vai trò của từng bị cáo nhưng cấp sơ thẩm không nhận định và áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt là có thiếu sót trong việc áp dụng pháp luật, cần lưu ý rút kinh nghiệm.

- Xét đối với các bị cáo Hồ Văn B và Lê Hoàng Thiên V: Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới để được xem xét, các tình tiết các bị cáo nêu ra đã được cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá đầy đủ khi quyết định hình phạt. Trong vụ án, bị cáo Hồ Văn B phạm tội với vai trò chính (khi bị bắt là người đang làm cái) với số tiền dùng đánh bạc nhiều nhất; tiếp đến là bị cáo V tham gia đánh bạc với vai trò tích cực hơn các bị cáo khác, đã hùn tiền trước đó với Dương Văn T7 để làm cái; số tiền các bị cáo dùng đánh bạc gấp nhiều lần so với các bị cáo khác có vai trò hạn chế hơn bị xử phạt tù không có kháng cáo. Nên về hình phạt phải nghiêm minh, cần có thời gian cách ly xã hội mới đủ tác dụng để giáo dục, răn đe bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung, đảm bảo tính công bằng và phân hóa vai trò từng bị cáo trong vụ án đồng phạm. Do đó, kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Hồ Văn B và Lê Hoàng Thiên V, là không có cơ sở để chấp nhận; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo.

- Đối với các bị cáo Đặng Thị M, Phan Thị N có đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính; bị cáo Ngô Thị Tuyết T là hộ nghèo và hiện đang điều trị bệnh ung thư hiểm nghèo (Theo giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo của UBND nơi cư trú), là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần được xem xét.

Xét về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo: Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 15/4/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) về án treo.

Đối với bị cáo Đặng Thị M dùng số tiền 200.000, bị cáo Phan Thị N dùng số tiền 100.000 đồng và bị cáo Ngô Thị Tuyết T dùng số tiền 800.000 đồng để tham gia đánh bạc; các bị cáo đều bị xử phạt mức án dưới 03 (ba) năm tù, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, không cần thiết bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù cũng không còn nguy hiểm cho xã hội nên cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có tác dụng của hình phạt đối với từng bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra, các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, lao động giản đơn không có nguồn thu nhập ổn định

(riêng bị cáo T còn đang mắc bệnh nan y cần điều trị) nên miễn hình phạt tiền bổ sung cho bị cáo T và giảm mức phạt tiền bổ sung cho các bị cáo M và N.

Xét kháng cáo của các bị cáo M, T và N là có căn cứ nên được chấp nhận, sửa bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo hướng giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Lập luận nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn cứ để chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

+Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Đối với các bị cáo T, M và N do kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo B và V do kháng cáo không được chấp nhận nên buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc - theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Văn B và Lê Hoàng Thiên V, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 152/2023/HSST ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2.1. Xử phạt: bị cáo Hồ Văn B 01 (một) năm tù, về tội: “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023).

- Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt: bị cáo Lê Hoàng Thiên V 08 (tám) tháng tù, về tội: “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án (được khấu trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 31/01/2023 đến ngày 08/02/2023).

- Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Thị Tuyết T, Đặng Thị M và Phan Thị N; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 152/2023/HSST ngày 07/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

4. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

4.1. Xử phạt: bị cáo Đặng Thị M 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội: “Đánh bạc”; thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4.2. Xử phạt: bị cáo Phan Thị N 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội: “Đánh bạc”; thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4.3. Xử phạt: bị cáo Ngô Thị Tuyết T 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội: “Đánh bạc”; thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Miễn hình phạt tiền bổ sung cho bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

* Trường hợp các bị cáo Ngô Thị Tuyết T, Đặng Thị M và Phan Thị N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

* Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Ngô Thị Tuyết T, Đặng Thị M và Phan Thị N được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù của bản án.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Buộc Hồ Văn B và Lê Hoàng Thiên V, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo Ngô Thị Tuyết T, Đặng Thị M và Phan Thị N không phải chịu

án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích về chế định án treo cho các bị cáo Ngô Thị Tuyết T, Đặng Thị M và Phan Thị N).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp . HCM;(1)
- VKSND Tp . HCM; (3)
- VKSND huyện Bình Chánh; (1)
- THA-DS huyện Bình Chánh; (1)
- TAND huyện Bình Chánh; (1)
- Công an huyện Bình Chánh; (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (2)
- Bị hại; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ. (30) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh